

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 174/NQ-HĐND

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 4 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình
mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 2503/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số 1760/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phân bổ kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn vay và viện trợ nước ngoài năm 2020 để thực hiện các chương trình, dự án; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020

1. Phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020 với tổng số tiền 61.297 triệu đồng (Sáu mươi một tỷ, hai trăm chín mươi bảy triệu đồng) cho các chương trình, dự án sau:

a) Dự án Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế: 6.200 triệu đồng.

b) Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng: 2.549 triệu đồng.

c) Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, giai đoạn 2: 50.585 triệu đồng.

d) Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn theo phương thức dựa trên kết quả: 1.963 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

2. Kinh phí sự nghiệp thực hiện một số chương trình mục tiêu từ nguồn vốn nước ngoài năm 2020 còn chưa phân bổ: 7.223 triệu đồng (Bảy tỷ, hai trăm hai mươi ba triệu đồng).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung và kinh phí phân bổ tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc giao nhiệm vụ và dự toán chi tiết cho từng chủ dự án; đồng thời, chỉ đạo các chủ dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện giải ngân

kinh phí đảm bảo đúng tiến độ. Tiếp tục rà soát, trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ đối với số kinh phí còn chưa phân bổ tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa IX, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Trần Đức Quận

Phụ lục
PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN MỘT SỐ CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU TỪ NGUỒN VỐN NƯỚC NGOÀI NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 174/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Chủ dự án	Tổng mức đầu tư/tổng dự toán kinh phí thực hiện	Lũy kế kinh phí đã phân bổ đến hết năm 2019	Kinh phí đã giải ngân đến hết năm 2019	Kinh phí còn được phân bổ	Kinh phí phân bổ năm 2020
A	B	C	1	2	3	4=1-3	5
1	Dự án Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế		53.336	31.057	13.700	39.636	6.200
		Sở Y tế	36.507	14.585	7.315	29.192	4.355
		Trường Cao đẳng Y tế Lâm Đồng	16.829	16.472	6.385	10.444	1.845
2	Dự án An ninh y tế khu vực tiểu vùng Mê Kông mở rộng	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	438	2.836	29	409	2.549
3	Dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân các tỉnh Tây Nguyên, giai đoạn 2		189.674	169.106	21.323	168.351	50.585
a	Hợp phần A: Tăng cường chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã	Ban Quản lý dự án Chăm sóc sức khỏe nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giai đoạn 2	78.587	131.357	10.151	68.436	46.377
b	Hợp phần B: Cải thiện chất lượng và dịch vụ y tế tại Trung tâm y tế huyện		100.286	25.601	6.569	93.717	2.779
c	Hợp phần C: Tăng cường năng lực quản lý tại các tuyến		10.801	12.148	4.603	6.198	1.429
4	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn theo phương thức dựa trên kết quả		10.925	5.000	3.099	7.826	1.963
a	Tiểu hợp phần 1: Hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh (thuộc Hợp phần 2: Vệ sinh nông thôn)	Sở Y tế	2.694	1.795	314	2.380	449
b	Hợp phần 3: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát và đánh giá	Sở Y tế	4.305	1.740	1.611	2.694	793
		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.492	915	642	1.850	481
		Sở Giáo dục và Đào tạo	1.434	550	532	902	240
	TỔNG CỘNG		254.373	207.999	38.151	216.222	61.297